

Số: 848/BC-SCT

Quảng Trị, ngày 28 tháng 9 năm 2014

**BÁO CÁO**  
**TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP, THƯƠNG MẠI THÁNG 9**  
**VÀ 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2014**

**I. Tình hình sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại:**

Chín tháng đầu năm 2014, trong bối cảnh tình hình thế giới và khu vực có nhiều diễn biến phức tạp, khó lường. Trong nước, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh tiếp tục đối mặt với những khó khăn; thị trường hàng hóa thu hẹp; sức mua trong nước và việc tiếp cận vốn còn hạn chế... đã ảnh hưởng đến sự tình hình phát triển kinh tế - xã hội tỉnh nhà.

Trước tình hình trên, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Bộ Công thương ngay từ đầu năm đã quyết liệt chỉ đạo thực hiện đồng bộ, có hiệu quả Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 02/01/2014 của Chính phủ và Nghị quyết, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2014 của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh. Nhờ vậy, tình hình sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại trong 9 tháng đầu năm 2014 vẫn giữ mức tăng trưởng ổn định, cụ thể:

**1. Lĩnh vực sản xuất công nghiệp:**

**1.1. Giá trị sản xuất công nghiệp:**

Giá trị sản xuất công nghiệp tháng 9/2014 (theo giá so sánh năm 2010) ước đạt 545,4 tỷ đồng, tăng 0,78% so với tháng trước và tăng 7,01% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: công nghiệp khai khoáng ước đạt 32,85 tỷ đồng, tăng 22,34%; công nghiệp chế biến, chế tạo ước đạt 480,8 tỷ đồng, tăng 5,37%; sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí ước đạt 22,65 tỷ đồng, tăng 25,99%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải ước đạt 9,12 tỷ đồng, tăng 6,17% so với cùng kỳ năm trước.

Tổng giá trị sản xuất công nghiệp trong 9 tháng đầu năm 2014 ước đạt 4203,24 tỷ đồng, tăng 8,58% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn so với mức tăng cùng kỳ năm trước (9 tháng đầu năm 2013 tăng 9,12%), đạt 70,0% so với kế hoạch năm 2014. Trong đó: công nghiệp chế biến, chế tạo ước đạt 3669,45 tỷ đồng, tăng 9,13%; sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí ước đạt 191,74 tỷ đồng, tăng 11,92%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải ước đạt 59,1 tỷ đồng, tăng 10,55%; riêng công nghiệp khai khoáng ước đạt 282,94 tỷ đồng, giảm 0,37% so với cùng kỳ năm trước.

**1.2. Chỉ số sản xuất công nghiệp:**

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 9/2014 tăng 8,33% so với tháng trước và tăng 29,87% so với tháng cùng kỳ năm trước. Trong đó: Công nghiệp

khai khoáng tăng 31,54%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 31,94%; sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 18,46%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 14,31% so với cùng kỳ năm trước.

Tuy nhiên, chỉ số sản xuất công nghiệp tính chung trong 9 tháng đầu năm 2014 chỉ tăng 7,95% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân là do các ngành công nghiệp khai khoáng; công nghiệp chế biến, chế tạo; sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải đều có mức tăng thấp hơn tháng 9/2013 (tương ứng là 2,77%; 6,73%, 19,1% và 12,21%).

### **1.3. Sản phẩm công nghiệp chủ yếu:**

Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tháng 9/2014 có mức tăng trưởng cao so với tháng cùng kỳ năm trước như: Tấm lợp Phibro xi măng tăng 380,54%; tấm lợp bằng kim loại tăng 275,0%; sấm xe các loại tăng 84,05%; dầu nhựa thông tăng 77,78%; đá xây dựng tăng 70,12%; gỗ cưa, gỗ xẻ tăng 49,93%; phân bón NPK tăng 43,88%; đồ uống không cồn, nước khoáng tăng 41,27%; điện sản xuất tăng 23,53%; điện thương phẩm tăng 19,44%; quặng Inmenit và tinh quặng Inmenit tăng 16,94%; gạch xây tăng 11,68%. Một số sản phẩm vẫn duy trì ở mức ổn định như: Tinh bột sắn tăng 9,88%; ván ép tăng 9,73%; lốp xe các loại tăng 1,63%; may mặc, may trang phục tăng 1,39%; quặng zircon và tinh quặng zircon tăng 0,72%. Riêng Xi măng Portland giảm 2,11% so với cùng kỳ năm trước.

Trong 9 tháng đầu năm 2014, một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu có mức tăng khá so với cùng kỳ năm trước như: Tấm lợp Phibro xi măng tăng 245,54%; may mặc, may trang phục tăng 64,39%; đá xây dựng tăng 29,64%; đồ uống không cồn, nước khoáng tăng 24,28%; xi măng Portland tăng 23,36%; sấm xe các loại tăng 22,53%; gỗ cưa, gỗ xẻ tăng 10,74%; phân bón NPK tăng 7,44%; điện Thương phẩm tăng 7,89%; gạch xây tăng 3,72%; lốp xe các loại tăng 1,77%. Bên cạnh đó một số sản phẩm giảm như: Quặng zircon và tinh quặng zircon giảm 33,55%; tinh bột sắn giảm 13,13%; quặng Inmenit và tinh quặng Inmenit giảm 5,03%; tấm lợp Phibro xi măng giảm 9,56%; dầu nhựa thông giảm 6,59%; ván ép giảm 4,14%.

### **1.4. Chỉ số tiêu thụ ngành công nghiệp chế biến, chế tạo:**

Chỉ số tiêu thụ sản phẩm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 08/2014 giảm 12,33% so với tháng trước và tăng 9,69% so với tháng cùng kỳ năm trước. Trong đó, một số ngành có chỉ số tiêu thụ tăng cao như: Tấm lợp Phibro xi măng tăng 167,32%; may mặc, may trang phục tăng 155,23%; phân bón NPK tăng 80,2%; dầu nhựa thông tăng 42,15%; gỗ cưa, gỗ xẻ tăng 30,83%. Một số ngành có mức tăng ổn định như: Gạch xây tăng 12,97%; đồ uống không cồn, nước khoáng tăng 12,46%; ván ép tăng 4,26% so với cùng kỳ năm trước.

Cộng dồn từ đầu năm đến thời điểm 01/9/2014, chỉ số tiêu thụ sản phẩm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 0,59% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân do một số sản phẩm có chỉ số tiêu thụ sụt giảm so với năm trước như: Tấm lợp bằng kim loại giảm 17,76%; dầu nhựa thông giảm 9,68%; tinh bột sắn giảm 2,18%; phân bón NPK giảm 0,23%. Riêng một số sản phẩm có chỉ số

tiêu thụ tăng cao như: Tấm lợp Phibro xi măng tăng 202,77%; may mặc, may trang phục tăng 99,14%; đồ uống không cồn, nước khoáng tăng 13,84%; sẫm và lớp xe các loại tăng 10,9%; gạch xây tăng 10,49%; gỗ cưa, gỗ xẻ tăng 6,29%; ván ép tăng 1,67%.

### **1.5. Chỉ số tồn kho ngành công nghiệp chế biến, chế tạo:**

Chỉ số tồn kho ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 08/2014 có những tín hiệu khả quan (chỉ tăng 0,46%) và giảm 26,06% so với tháng cùng kỳ năm trước (chỉ số tồn kho các tháng từ đầu năm đến nay đều ở mức tăng cao, riêng tháng 7/2014 giảm nhẹ 5,61%). Trong đó, một số sản phẩm có chỉ số tồn kho giảm như: Xi măng Portland đen giảm 98,39%; dầu nhựa thông giảm 70,05%; gạch xây giảm 57,99%; tinh bột sắn giảm 25,76%; sẫm xe, lớp xe các loại giảm 21,72%. Bên cạnh đó, các sản phẩm có chỉ số tồn kho tăng như: May mặc, may trang phục tăng 120,73%; phân bón NPK tăng 78,38%; tấm lợp Phibro xi măng tăng 61,79%; đồ uống không cồn, nước khoáng tăng 43,82%; gỗ cưa, gỗ xẻ tăng 11,2%.

## **2. Lĩnh vực thương mại và xuất nhập khẩu:**

### **2.1. Tổng mức bán lẻ hàng hóa, dịch vụ:**

#### **2.1.1 Tổng mức bán lẻ hàng hóa:**

Tổng mức bán lẻ hàng hóa tháng 9/2014 ước đạt 1448,41 tỷ đồng, tăng 20,43% so với tháng trước và tăng 13,54% so với tháng cùng kỳ năm trước. Lũy kế 9 tháng đầu năm 2014, tổng mức bán lẻ hàng hóa ước đạt 12669,25 tỷ đồng, tăng 13,54% so với cùng kỳ năm trước và đạt 73,87% so với kế hoạch. Trong đó, phân theo loại hình kinh tế: Khu vực kinh tế nhà nước ước 1434,67 tỷ đồng, tăng 19,73%; khu vực kinh tế cá thể ước đạt 7080,58 tỷ đồng, tăng 10,65%; kinh tế tư nhân ước đạt 4153,57 tỷ đồng, tăng 16,65% so với cùng kỳ năm trước.

#### **2.2.2. Doanh thu hoạt động dịch vụ:**

Doanh thu hoạt động dịch vụ tháng 9/2014 ước đạt 239,06 tỷ đồng, giảm 1,33% so với tháng trước và tăng 20,65% so với tháng cùng kỳ năm trước. Lũy kế 9 tháng đầu năm 2014, doanh thu hoạt động dịch vụ ước đạt 2059,77 tỷ đồng, tăng 10,18% so với cùng kỳ năm trước, đạt 61,49 so với kế hoạch. Trong đó, phân theo loại hình kinh tế: Khu vực kinh tế nhà nước ước đạt 124,24 tỷ đồng, tăng 23,61%; khu vực kinh tế cá thể ước đạt 1751,0 tỷ đồng, tăng 8,04%; kinh tế tư nhân ước đạt 184,5 tỷ đồng, tăng 26,04% so với cùng kỳ năm trước.

### **2.3. Hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu:**

**2.3.1. Xuất khẩu:** Kim ngạch xuất khẩu tháng 9/2014 ước đạt 25,835 triệu USD, tăng 12,7% so với tháng trước và tăng 133,25% so với tháng cùng kỳ năm trước. Tính chung trong 9 tháng đầu năm 2014, kim ngạch xuất khẩu hàng hoá ước đạt 147,346 triệu USD, tăng 76,03% so với cùng kỳ năm trước và đạt 109,1% so với kế hoạch năm 2014. Một số mặt hàng xuất khẩu chủ yếu tăng so với cùng kỳ năm trước như: Cà phê tăng 90,11%; sản phẩm bằng Plastics tăng 66,85%; xe đạp và phụ tùng xe đạp tăng 27,65%; hàng nông sản khác tăng 25,12%. Bên cạnh đó, một số mặt hàng giảm đáng kể như: Cao su giảm 30,92%; sản phẩm bằng gỗ giảm 1,74%; thực phẩm chế biến khác giảm 95,4%.

2.3.2. Nhập khẩu: Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 9/2014 ước đạt 20,029 triệu USD, tăng 8,92% so với tháng trước và tăng 64,47% so với tháng cùng kỳ năm trước. Tính chung, tổng kim ngạch nhập khẩu trong 9 tháng đầu năm 2014 ước đạt 144,357 triệu USD, tăng 43,92% so với cùng kỳ năm trước, đạt 90,2% so với kế hoạch năm 2014. Một số mặt hàng nhập khẩu chủ yếu tăng như: Thực phẩm chế biến tăng 96,18%; hàng hóa khác tăng 43,91%. Bên cạnh đó, một số sản phẩm nhập khẩu giảm như: Hàng điện tử giảm 61,92%.

### **3. Chỉ số giá tiêu dùng:**

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 9/2014 so tháng trước tăng 0,15%. Trong đó, ngoại trừ nhóm hàng giao thông giảm 1,86% và đồ uống thuốc lá giảm 0,06%; Các mặt hàng còn lại đều tăng như: Dẫn đầu là nhóm hàng giáo dục tăng 1,44%; Nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 1,0% (do nhu cầu mua sắm trang phục và đồ dùng học tập của học sinh vào đầu năm học mới); Nhóm thiết bị đồ dùng gia đình tăng 0,13%; Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,3%; nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 0,08%; nhóm hàng thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,02%; nhóm bưu chính viễn thông và nhóm hàng văn hóa, giải trí, du lịch không tăng, không giảm.

Nhìn chung, chỉ số giá tiêu dùng tháng 9 năm 2014 so với thời điểm 31/12/2013 tăng 2,47%. Trong đó, nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 3,45%; nhóm đồ uống, thuốc lá tăng 1,98%; Nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 4,81%; nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 2,17%; nhóm thiết bị đồ dùng gia đình tăng 2,01%; nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,31%; nhóm giao thông tăng 1,17%; nhóm giáo dục tăng 1,84%; nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0,45%. Riêng nhóm hàng bưu chính viễn thông giảm 0,49%.

## **II. Công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực công thương:**

### **1. Công tác xây dựng quy hoạch, kế hoạch:**

- Hoàn thành và trình UBND tỉnh phê duyệt Đề án Quy hoạch chung xây dựng Khu Đông Nam tỉnh Quảng Trị đến năm 2030. Hiện đã phối hợp với Sở Xây dựng hoàn chỉnh dự thảo Quy định quản lý Quy hoạch để triển khai thực hiện; Tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua Đề án và Nghị quyết số 09/2014/NQ-HĐND ngày 25/7/2014 về Chính sách khuyến công (thay thế Nghị quyết 12b/2004/NQ-HĐ ngày 15/3/2004) và triển khai thực hiện.

- Phối hợp đơn vị tư vấn tổ chức lấy ý kiến các ngành, địa phương liên quan, hoàn thiện hồ sơ quy hoạch phát triển điện gió tỉnh Quảng Trị để báo cáo UBND tỉnh và trình Bộ Công Thương phê duyệt; Tổ chức Hội nghị báo cáo và tham gia ý kiến dự thảo Quy hoạch phát triển các dự án có nhu cầu sử dụng khí trên địa bàn tỉnh đến năm 2025.

- Tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh Quy hoạch phát triển thương mại Quảng Trị đến năm 2020, định hướng cho các năm tiếp theo đối với địa điểm quy hoạch một số chợ trên địa bàn tỉnh; Hoàn chỉnh, trình UBND tỉnh phê duyệt Đề cương nhiệm vụ, dự toán điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản tỉnh Quảng Trị đến năm 2020 có tính đến năm 2030.

- Công tác lập quy hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trên địa bàn tỉnh và quy hoạch phát triển điện lực giai đoạn 2016-2020, có xét đến 2035 đang được Sở đôn đốc xây dựng và hoàn chỉnh đề cương nhiệm vụ, dự toán để trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển ngành công thương giai đoạn 2011 - 2015, phương hướng nhiệm vụ 2016 - 2020 và các đề án trọng điểm phát triển của ngành; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2016-2020); Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm (2016-2020); Chương trình xúc tiến đầu tư năm 2015.

## **2. Công tác thu hút, xúc tiến dự án đầu tư:**

- Tiếp tục xúc tiến, hỗ trợ về thủ tục đầu tư các dự án trong Khu Đông Nam Quảng Trị; Hướng dẫn nhà đầu tư triển khai thực hiện lập Dự án khả thi nhà máy nhiệt điện Quảng Trị 1.200 MW; Tham mưu UBND tỉnh ban hành Phân công nhiệm vụ đối với việc thực hiện Biên bản ghi nhớ (MoU) với EGATi; Phối hợp tổ chức Lễ ký kết bản ghi nhớ với Công ty EGATi về phối hợp đầu tư Nhà máy nhiệt điện 1200MW.

- Đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án động lực phát triển của ngành như: dự án Nhà máy bia Hà Nội- Quảng Trị; Nhà máy MDF dây chuyền 2 tại Khu Công nghiệp Quán Ngang; dự án nhà máy sản xuất bao bì thủy tinh cao cấp; dự án “từ cát đến năng lượng”; dự án sản xuất bột giấy; dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp và các dự án thủy điện nhỏ trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp Sở Kế hoạch & Đầu tư tham mưu UBND tỉnh trình Bộ Công Thương thỏa thuận về quy mô dự án đầu tư “Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2014-2020” và trình Bộ Kế hoạch & Đầu tư thẩm định nguồn vốn dự án. Đến nay, Sở Kế hoạch & Đầu tư đang thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình để trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Hoàn chỉnh hồ sơ, trình UBND tỉnh phê duyệt Dự án “Nâng cao năng lực hướng tới phát triển toàn diện và bình đẳng tiểu vùng Mê Kông”; Phối hợp với Tạp chí VietNam Business Forum tuyên truyền về môi trường đầu tư: “Quảng Trị tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp phát triển”.

## **3. Công tác quản lý nhà nước lĩnh vực công nghiệp:**

- Triển khai thực hiện kế hoạch kiểm tra tình hình hoạt động các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh; Báo cáo 5 năm tình hình thực hiện Quyết định 105/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế quản lý cụm công nghiệp.

- Hoàn thành hồ sơ tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu khu vực Miền Trung và Tây Nguyên năm 2014, trình Cục Công nghiệp địa phương bình chọn. Kết quả, có 3 sản phẩm được công nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu khu vực Miền trung- Tây nguyên 2014.

- Hoàn chỉnh Dự thảo, trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch tổ chức Hội thảo tạo môi liên kết giữa doanh nghiệp với người trồng nguyên liệu cho công nghiệp chế biến nông, lâm sản; Tăng cường giám sát việc xuất khẩu quặng đười Ilmenit và đười Zircon tồn kho của các doanh nghiệp khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

#### **4. Hoạt động khuyến công:**

- Tổ chức hội nghị tổng kết 10 năm (2004-2014) công tác khuyến công; Triển khai xây dựng Quy chế về quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp khuyến công trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (thay thế Quyết định số 10/2010/QĐ-UBND).

- Chỉ đạo tổ chức nghiệm thu đề án khuyến công tỉnh đợt I/2014 và xây dựng Kế hoạch khuyến công quốc gia năm 2015; Tổ chức Hội đồng thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt các đề án khuyến công tỉnh đợt 2/2014.

- Phối hợp với Đài PH-TH tỉnh thực hiện, phát sóng 09 chuyên mục “Trang Công Thương Quảng Trị” và phát hành 02 Bản tin/Đặc san Công Thương Quảng Trị; Thực hiện phóng sự về phát triển ngành sau 25 năm tái lập tỉnh và hoạt động khuyến công 10 năm nhìn lại.

#### **5. Công tác quản lý an toàn kỹ thuật và môi trường:**

- Tổ chức kiểm tra việc chấp hành pháp luật chuyên ngành về an toàn kỹ thuật công nghiệp, vật liệu nổ công nghiệp, hóa chất, an toàn điện; môi trường công nghiệp; Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả tại các đơn vị trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức kiểm tra hoạt động kinh doanh xăng dầu; kiểm tra công tác quản lý vận hành đập và an toàn hồ chứa công trình thủy điện; Tình hình thực hiện Chỉ thị 02/CT-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng và xuất khẩu khoáng sản.

- Xây dựng và hoàn thiện dự thảo Chương trình phát triển khoa học công nghệ ngành công thương đến năm 2020 theo Nghị quyết 08/2014/NQ-HĐND ngày 25/7/2014 của HĐND tỉnh.

#### **6. Công tác quản lý nhà nước lĩnh vực điện năng:**

- Tổ chức lấy ý kiến góp ý: Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện Đakông 3, Thủy điện Quảng Trị và phương án cấm mốc chỉ giới hồ chứa thủy điện Hạ Rào Quán.

- Tổ chức triển khai đầu tư cấp điện cho huyện đảo Cồn Cỏ; Thoả thuận hướng tuyến dự án do ngành điện đầu tư trên địa bàn và tham gia công tác giám sát doanh nghiệp thủy điện của đoàn giám sát Quốc hội và HĐND tỉnh.

- Báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ về tăng cường công tác quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng và vận hành khai thác công trình thủy điện.

#### **7. Công tác quản lý nhà nước về thương mại:**

- Phối hợp tham mưu UBND tỉnh cho các doanh nghiệp tạm ứng kinh phí mua hàng hóa dự trữ phục vụ công tác phòng, chống lụt bão năm 2014 và kiểm tra công tác dự trữ đối với các doanh nghiệp được phân công.

- Báo cáo tham luận của tỉnh tại Hội nghị Hợp tác phát triển thương mại biên giới Việt Nam-Lào Lần thứ IX; Năm tình hình thương mại biên giới của Ban chỉ đạo phát triển thương mại biên giới tỉnh.

- Làm việc với Đoàn kiểm tra thực hiện Quy hoạch phát triển hệ thống sản xuất và phân phối xăng dầu của Bộ Công Thương tại các doanh nghiệp trên địa bàn; Phối hợp tổ chức phổ biến một số văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực thương mại trên địa bàn.

#### **8. Công tác xúc tiến thương mại và hội nhập kinh tế:**

- Tham mưu UBND tỉnh tổ chức Hội nghị phổ biến lộ trình cộng đồng kinh tế Asean 2014; Tập huấn kiến thức và kỹ năng ứng dụng Thương mại điện tử năm 2014; Tập huấn “Nâng cao năng lực về lập kế hoạch phát triển kinh tế địa phương” cho đối tượng cán bộ công chức, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng kế hoạch đánh giá mức độ sẵn sàng cho ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong doanh nghiệp; Triển khai kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng website; Hoàn thiện và đưa vào vận hành thử nghiệm Cổng thông tin xuất nhập khẩu tỉnh.

- Hướng dẫn thực hiện Quy chế quản lý và sử dụng kinh phí xúc tiến thương mại trên địa bàn tỉnh; xây dựng tiêu chí đánh giá, thẩm định đề án xúc tiến thương mại tỉnh Quảng Trị; Quy chế làm việc và thành lập Hội đồng thẩm định Chương trình xúc tiến thương mại của tỉnh.

#### **9. Công tác kiểm soát giá cả, quản lý thị trường:**

- Tham mưu thành lập Tổ giúp việc ban chỉ đạo chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả tỉnh Quảng Trị; ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo 389 tỉnh; Làm việc với Ban chỉ đạo 389 Quốc gia và đề xuất tháo gỡ khó khăn về kinh phí cho các ngành, lực lượng chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả trên địa bàn.

- Tham mưu tổng hợp việc rà soát, lập các văn bản quy phạm pháp luật, chế độ chính sách liên quan đến công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả (còn hiệu lực) cần sửa đổi, bổ sung và đề xuất nội dung cần sửa đổi, bổ sung; Báo cáo Văn phòng Thường trực Ban Chỉ đạo 389 quốc gia về các vụ việc điển hình, nghiêm trọng về buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả (từ năm 2013 đến nay).

- Tham mưu UBND tỉnh, Ban chỉ đạo 389 tỉnh thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành chống hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng tại Khu Kinh tế - Thương mại đặc biệt Lao Bảo và chợ Đông Hà; Thành lập các Đoàn kiểm tra về kinh doanh xăng dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng tại các doanh nghiệp trên địa bàn.

- Kết quả, 9 tháng đầu năm 2014, lực lượng quản lý thị trường đã tiến hành kiểm tra 1099 vụ và xử lý vi phạm 499 vụ. Trong đó, hàng cấm 130 vụ; hàng nhập lậu 73 vụ; vi phạm về hàng giả, hàng kém chất lượng và quyền sở hữu trí tuệ 09 vụ; vi phạm về đầu cơ, găm hàng, sai phạm trong lĩnh vực giá 133 vụ; vi phạm trong kinh doanh 55 vụ, vi phạm về vệ sinh an toàn thực phẩm 38 vụ, vi phạm khác 61 vụ. Tổng số tiền xử phạt hành chính 559,25 triệu đồng; tiền bán hàng hoá tịch thu 634,287 triệu đồng; trị giá hàng hóa chưa bán 418,173 triệu đồng; trị giá hàng tiêu hủy 2,035 triệu đồng.

## **10. Công tác thanh tra, kiểm tra:**

- Tổ chức lễ ký kết chương trình phối hợp công tác năm 2014-2015 giữa Thanh tra Sở và Công ty Điện lực Quảng Trị; Tổ chức tập huấn phổ biến các quy định mới trong lĩnh vực điện, xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện năng, năng lượng trên địa bàn tỉnh.

- Tham mưu trả lời các ý kiến, kiến nghị của cử tri theo yêu cầu của UBND tỉnh; Tổ chức xem xét, xác minh hồ sơ, tài liệu chứng cứ để giải quyết việc vi phạm đối với Thủy điện Đakrông 3 thuộc Công ty cổ phần Thủy điện Trường Sơn và phối hợp giải quyết vụ việc liên quan đến cạnh tranh hàng hóa trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục tham gia Đoàn theo dõi thi hành Pháp luật trên địa bàn tỉnh Quảng Trị năm 2014 tại Quyết định số 1240/QĐ-UBND của UBND tỉnh.

## **11. Công tác tổ chức, hành chính:**

- Hoàn chỉnh công tác rà soát bổ sung quy hoạch cán bộ Sở và các đơn vị trực thuộc; Thực hiện quy trình đề nghị bổ nhiệm các Phó Giám đốc Sở; Triển khai công tác bình xét khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác khuyến công giai đoạn 2004-2014.

- Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2014; Đo lường mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với việc cung ứng các dịch vụ hành chính công của Sở đến năm 2015; Tổ chức rà soát và hoàn chỉnh hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của HĐND, UBND tỉnh từ giai đoạn tái thiết tỉnh 1989 đến 31/12/2013.

- Phối hợp với Sở Nội vụ hướng dẫn kê khai trên Hệ thống Thông tin cán bộ, công chức viên chức tỉnh Quảng Trị.

## **III. Đánh giá chung**

### **1. Những mặt được:**

- Được sự quan tâm chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Bộ Công Thương nên các nhiệm vụ, kế hoạch trọng tâm của ngành được triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả; Công tác lập quy hoạch, kế hoạch, đề án chuyên ngành được triển khai kịp thời và cơ bản hoàn thành theo đúng tiến độ.

- Tích cực xúc tiến các hoạt động đầu tư, tạo thuận lợi thủ tục đầu tư các dự án trong trung tâm Khu Đông Nam Quảng Trị, đặc biệt có các dự án động lực phát triển ngành, một số dự án hoàn thành chuẩn bị đưa vào sản xuất như: Nhà máy bia Hà Nội – Quảng Trị, nhà máy sản xuất tinh bột sắn, các nhà máy sản xuất gạch không nung, viên nén năng lượng, sản xuất sản phẩm từ gỗ, nhà máy sản xuất Formaldehyde của Công ty Cổ phần gỗ MDF-VGR Quảng Trị...

- Chủ động xây dựng và triển khai kế hoạch chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả, Công tác dự trữ hàng hoá phòng chống bão lụt và bình ổn giá đã góp phần quan trọng vào bình ổn thị trường, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, hạn chế được tình trạng buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả trên địa bàn.

- Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, thanh tra, kiểm tra giám sát hoạt động của ngành trong các lĩnh vực như: Vật liệu nổ công nghiệp, điện năng, khai



thác khoáng sản, an toàn kỹ thuật công nghiệp, an toàn thủy điện, hoạt động cụm công nghiệp, kinh doanh xăng dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng đã được thực hiện thường xuyên, liên tục trên diện rộng.

- Hoạt động khuyến công và xúc tiến thương mại, thực hiện cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” đưa hàng Việt về nông thôn được quan tâm và triển khai có hiệu quả, có tác động tích cực đến ý thức các doanh nghiệp, người tiêu dùng nông thôn; góp phần tháo gỡ khó khăn, mở rộng thị trường cho doanh nghiệp trong giai đoạn hiện nay.

## **2. Những mặt hạn chế:**

- Do tình hình kinh tế thế giới và trong nước còn gặp nhiều khó khăn, tình hình bất ổn trên biển Đông và cuộc khủng hoảng chính trị ở các nước trong khu vực đã tác động đến tình hình sản xuất kinh doanh và năng lực sản xuất của ngành trên địa bàn tỉnh. Các chỉ tiêu về công nghiệp - thương mại của tỉnh về cơ bản chưa đạt kế hoạch đề ra.

- Công tác triển khai lập các quy hoạch chuyên ngành (quy hoạch các dự án sử dụng khí; quy hoạch khai thác, quản lý và sử dụng khoáng sản; quy hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất) và một số đề án, dự án thực hiện còn chậm so với kế hoạch, một phần do nguồn vốn chậm được bố trí làm ảnh hưởng đến việc thực hiện các Chương trình, đề án đã đề ra.

- Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng công nghiệp, thương mại trên địa bàn còn nhiều khó khăn do thiếu vốn. Các khu, cụm công nghiệp chưa được xây dựng hệ thống xử lý nước thải, hiệu quả đầu tư còn thấp.

## **IV. Mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp thực hiện trong 3 tháng cuối năm 2014**

Ba tháng cuối năm 2014, dự báo tình hình kinh tế- chính trị thế giới, trong khu vực tiếp tục còn gặp nhiều khó khăn và thách thức. Nhiệm vụ và các giải pháp 3 tháng cuối năm 2014 là tiếp tục đẩy mạnh sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại và triển khai các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, thực hiện thắng lợi mục tiêu kế hoạch năm 2014, cụ thể như sau:

- Công nghiệp: Thực hiện giá trị sản xuất công nghiệp đạt khoảng 30% kế hoạch năm, giá trị tuyệt đối ước đạt trên 1800 tỷ đồng (theo giá so sánh 2010).

- Thương mại: Tổng mức bán lẻ hàng hóa đạt trên 27% kế hoạch năm, giá trị tuyệt đối ước đạt 4480 tỷ đồng và doanh thu hoạt động dịch vụ đạt gần 38,5% kế hoạch năm, giá trị tuyệt đối ước đạt 1290 tỷ đồng (theo giá hiện hành).

- Nhập khẩu: Tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ đạt khoảng 10% kế hoạch năm, vào khoảng 15,7 triệu USD.

## **V. Nhiệm vụ và các giải pháp thực hiện trong 3 tháng cuối năm 2014**

- Chuẩn bị nội dung, làm việc với Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện quy hoạch kế hoạch phát triển ngành công thương giai đoạn 2011-2015, phương hướng nhiệm vụ 2016-2020 và các đề án trọng điểm phát triển ngành.

- Phối hợp đơn vị tư vấn hoàn thiện hồ sơ, tổ chức công bố Quy hoạch chung xây dựng Khu Đông Nam Quảng Trị đến năm 2030, định hướng đến 2050

để triển khai thực hiện; Hoàn thiện Quy hoạch phát triển các dự án có nhu cầu sử dụng khí trên địa bàn tỉnh đến năm 2025 trình Hội đồng thẩm định.

- Trình phê duyệt và tổ chức thực Quy hoạch phát triển điện gió tỉnh Quảng Trị đến năm 2020; Triển khai lập Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản tỉnh Quảng Trị đến năm 2020, có tính đến 2030; Kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất cấp tỉnh; Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện Quy hoạch phát triển công nghiệp của tỉnh đến năm 2020; Quy hoạch phát triển thương mại của tỉnh đến năm 2020; Quy hoạch phát triển điện lực của tỉnh giai đoạn 2011-2015.

- Hoàn chỉnh và trình duyệt Đề cương, dự toán lập quy hoạch phát triển điện lực tỉnh giai đoạn 2016-2020 có xét đến 2035; Triển khai giai đoạn thực hiện đầu tư Dự án cấp điện nông thôn tỉnh Quảng Trị; Tiếp tục tổ chức kiểm tra đôn đốc công tác quản lý các dự án thủy điện đảm bảo an toàn trong mùa mưa lũ.

- Tiếp tục triển khai Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược sản xuất sạch hơn trong công nghiệp đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh; Đề án củng cố, khôi phục và phát triển làng nghề, ngành nghề tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh; Đề án phát triển ngành cơ khí tỉnh.

- Tiếp tục hỗ trợ thực hiện thủ tục đầu tư các dự án trong khu Đông Nam Quảng Trị, trong đó, hướng dẫn chủ đầu tư triển khai các thủ tục lập dự án Nhà máy nhiệt điện than 1200MW Quảng Trị, các dự án sử dụng khí và các dự án động lực khác làm tiền đề hình thành Khu Kinh tế Đông Nam Quảng Trị; Xúc tiến đầu tư, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức nắm bắt tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, kịp thời đề xuất tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp; đặc biệt quan tâm đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp và hệ thống xử lý chất thải các khu, cụm công nghiệp và tập trung thu hút đầu tư sản xuất kinh doanh vào khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn.

- Phối hợp Sở Nông nghiệp & PTNT tham mưu UBND tỉnh tổ chức hội nghị tạo mối liên kết giữa doanh nghiệp với người trồng nguyên liệu cho công nghiệp chế biến nông, lâm sản.

- Tiếp tục triển khai và hoàn thành các đề án khuyến công tỉnh, quốc gia năm 2014; Xây dựng kế hoạch kinh phí khuyến công tỉnh và Quốc gia năm 2015; Triển khai hoạt động tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp, thực hiện chương trình sản xuất sạch hơn, chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả.

- Triển khai Nghị quyết số 09/2014/NQ-HĐND ngày 25/7/2014 về Chính sách khuyến công trên địa bàn; Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quy chế quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công (thay thế Quyết định 10/2010/QĐ-UBND ngày 05/5/2010 của UBND tỉnh) và triển khai thực hiện.

- Tiếp tục chỉ đạo các doanh nghiệp, đơn vị liên quan về công tác đảm bảo bình ổn thị trường và tăng cường công tác đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả trong những tháng cuối năm 2014 và dịp Tết Nguyên đán Ất Mùi năm 2015.

- Tăng cường công tác kiểm tra hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng, vi phạm sở hữu trí tuệ và gian lận thương mại, kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh; công tác đảm bảo hàng hóa, bình ổn thị trường trong dịp lễ, tết.

- Hỗ trợ các địa phương trong việc thực hiện đảm bảo các tiêu chí về chợ và điện góp phần thực hiện hoàn thành Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

- Xây dựng và hoàn chỉnh Kế hoạch hành động của UBND tỉnh thực hiện Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa của Chính phủ giai đoạn 2012 - 2020, định hướng đến 2030 ; Triển khai Dự án “Nâng cao năng lực hướng tới phát triển toàn diện và bình đẳng tiểu vùng sông Mêkông”.

- Xây dựng Đề án sàn giao dịch thương mại điện tử Quảng Trị năm 2015 ; Tổ chức vận hành và khai thác Cổng thông tin xuất nhập khẩu ; Tiếp tục tổ chức Khảo sát ứng dụng công nghệ thông tin trong doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh để phục vụ việc đánh giá mức độ sẵn sàng cho ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức kiểm tra việc chấp hành pháp luật chuyên ngành về hoạt động điện lực; kiểm tra chuyên ngành về tình hình sử dụng, bảo quản và vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp; tình hình hoạt động khuyến mại tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Tham mưu trả lời ý kiến cử tri theo yêu cầu của UBND tỉnh; Phối hợp giải quyết vụ việc liên quan đến cạnh tranh hàng hóa; kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao đối với các Đội quản lý thị trường trực thuộc Chi cục quản lý thị trường; Tổ chức thanh tra hành chính chuyên ngành trên địa bàn tỉnh.

- Tập trung thực hiện chương trình cải cách hành chính, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008; Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào hệ thống quản lý nhà nước của Sở; Thực hiện nghiêm quy chế làm việc, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao ý thức trách nhiệm của cán bộ công chức.

Trên đây là nội dung báo cáo tình hình công nghiệp - thương mại của tỉnh, công tác quản lý nhà nước của Sở trong tháng 9 và 9 tháng đầu năm 2014 và một số nhiệm vụ trọng tâm 3 tháng cuối năm 2014; Sở Công Thương Quảng Trị báo cáo Bộ Công Thương, UBND tỉnh, các Sở, ban ngành liên quan./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Bộ Công Thương;
- Cục CNĐP, Vụ KH-BCT;
- VP Tỉnh uỷ; VP HĐND tỉnh; VP UBND tỉnh (2b);
- Sở CT các tỉnh Bắc Trung bộ, miền Trung và Tây Nguyên;
- Sở KH & ĐT, Cục Thống kê;
- Phòng Kinh tế- Hạ tầng các huyện, thị, thành phố;
- GD, các PGĐ Sở;
- Các Phòng thuộc Sở, TTKC, Chi cục QLTT;
- Lưu: VT, VP. *ml*

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Quốc Hồ Hiệp Nghĩa**

Biểu số 01/SCP/BCT.H.C.N  
 Ngày nhận báo cáo: Ngày 22/9/2014



Đơn vị báo cáo: Sở Công Thương Quảng Trị

Đơn vị nhận báo cáo: - UBND tỉnh Quảng Trị;

- Bộ Công Thương;

- Sở KH &ĐT tỉnh Quảng Trị

**BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI THÁNG 9 VÀ 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2014**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mã số	Năm 2013		Năm 2014			Tỷ lệ (%)		
				Thực hiện tháng 9	Thực hiện 9 tháng	Kế hoạch năm 2014	Ước thực hiện tháng 9	Ước thực hiện cả 9 tháng	Tháng 9 năm 2014 so với tháng 9 năm 2013	9 tháng năm 2014 So với cùng kỳ năm 2013	9 tháng năm 2014 so với KH năm 2014
A	B	C	D		I	2		3		4=3/1	5=3/2
I	<b>Giá trị sản xuất công nghiệp (giá so sánh năm 2010)</b>	<b>Tỷ đồng</b>		509,677	3.871,12	6.005	545,4	4.203,24	107,01%	108,58%	70,0%
1	<b>Phân theo ngành công nghiệp</b>	<b>Tỷ đồng</b>									
1,1	Công nghiệp khai khoáng	"		26,85	283,99		32,85	282,94	122,34%	99,63%	
1,2	Công nghiệp chế biến, chế tạo	"		456,26	3.362,3		480,8	3.669,45	105,37%	109,13%	
1,3	Sản xuất, tập trung và phân phối điện ga	"		17,98	171,32		22,65	191,74	125,99%	111,92%	
1,4	Cung cấp nước, HĐ quản lý và xử lý nước thải	"		8,59	53,46		9,12	59,10	106,17%	110,55%	
II	<b>Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu</b>	<b>Sản phẩm</b>									
1	Quặng Inmenit và tinh quặng Inmenit	Tấn		490	7.733		573	7.344	116,94%	94,97%	
2	Quặng zircon và tinh quặng zircon	Tấn		415	3.800		418	2.525	100,72%	66,45%	
3	Đá xây dựng	1000 m <sup>3</sup>		24,16	270		41,1	350	170,12%	129,64%	
4	Tinh bột sắn	Tấn		5151	54.187		5660	47.070	109,88%	86,87%	
5	Đồ uống không cồn, nước khoáng	1000 lít		630	5.473		890	6.802	141,27%	124,28%	
6	May mặc, may trang phục	1000 cái		144	570		146	937	101,39%	164,39%	
7	Gỗ cưa, gỗ xẻ	1000 m <sup>3</sup>		2,30	20,863		3,4	23,10	149,93%	110,74%	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mã số	Năm 2013		Năm 2014			Tỷ lệ (%)		
				Thực hiện tháng 9	Thực hiện 9 tháng	Kế hoạch năm 2014	Ước thực hiện tháng 9	Ước thực hiện cả 9 tháng	Tháng 9 năm 2014 so với tháng 9 năm 2013	9 tháng năm 2014 So với cùng kỳ năm 2013	9 tháng năm 2014 so với KH năm 2014
A	B	C	D		1	2		3		4=3/1	5=3/2
8	Ván ép (gỗ MDF)	1000 m3		7,25	62		8,0	59,79	109,73%	95,86%	
9	Dầu nhựa thông	Tấn		81	850		144	794	177,78%	93,41%	
10	Colophan, axit nhựa cây và các dẫn xuất khác	Tấn		414	3.615,0		605	4.320	146,14%	119,50%	
11	Phân bón NPK	Tấn		2085	29.075		3000	31.237	143,88%	107,44%	
12	Lốp xe các loại	1000 cái		123	1.130		125	1.150	101,63%	101,77%	
13	Săm xe các loại	1000 cái		163	2.042		300	2.502	184,05%	122,53%	
14	Gạch xây	1000 viên		13360	114.933		14920	119.210	111,68%	103,72%	
15	Xi măng Portland	Tấn		26560	166.114		26000	204.915	97,89%	123,36%	
16	Tấm lợp Phibro xi măng	1000 m2		149	1.278		716	4.416	480,54%	345,54%	
17	Tấm lợp bằng kim loại	Tấn		12	429		45	388	375,00%	90,44%	
18	Điện sản xuất	Triệu Kwh		17	195		21	247	123,53%	126,67%	
19	Điện Thương phẩm	Triệu Kwh		36	317		43	342	119,44%	107,89%	
20	Nước uống được	1000 m3		835	6.964		945	7.708	113,17%	110,68%	
III	<b>Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ</b>	<b>Tỷ đồng</b>									
1	<b>Tổng mức bán lẻ hàng hóa</b>	<b>Tỷ đồng</b>		<b>1202,67</b>	<b>11.158,0</b>	<b>17.150</b>	<b>1.448,41</b>	<b>12.669,25</b>	<b>120,43%</b>	<b>113,54%</b>	<b>73,87%</b>
	<i>Phân theo loại hình kinh tế</i>	<i>Tỷ đồng</i>									
1,1	Kinh tế Nhà nước	"		128,69	1198,25		161,49	1434,67	125,49%	119,73%	
1,2	Kinh tế Tập thể	"					0,12	0,44	-	-	
1,3	Kinh tế Cá thể	"		660,10	6399,07		809,22	7080,58	122,59%	110,65%	
1,4	Kinh tế Tư nhân	"		413,88	3560,71		477,58	4153,57	115,39%	116,65%	
1,5	Kinh tế có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	"		-			-		-		



TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mã số	Năm 2013		Năm 2014			Tỷ lệ (%)		
				Thực hiện tháng 9	Thực hiện 9 tháng	Kế hoạch năm 2014	Ước thực hiện tháng 9	Ước thực hiện cả 9 tháng	Tháng 9 năm 2014 so với tháng 9 năm 2013	9 tháng năm 2014 So với cùng kỳ năm 2013	9 tháng năm 2014 so với KH năm 2014
A	B	C	D		I	2		3		4=3/1	5=3/2
1	<b>Tổng kim ngạch nhập khẩu</b>	<b>Tr. USD</b>		12,178	100,307	160,00	20,029	144,357	164,47%	143,92%	90,2%
	<b>Mặt hàng nhập khẩu chủ yếu</b>										
2.2	Thực phẩm chế biến			1,156	8,503		3,650	16,681	315,74%	196,18%	
2.3	Hàng điện tử			0,136	4,498		0,180	1,713	132,35%	38,08%	
2.4	Hàng hóa khác			10,886	87,306		16,199	125,645	148,81%	143,91%	
<b>VI</b>	<b>Quản lý thị trường</b>										
1	<b>Số vụ kiểm tra trong lĩnh vực quản lý thị trường</b>	<b>Vụ</b>		-	765	1.371	-	1.099	-	143,66%	80,2%
	Trong đó: Tổng số vụ xử lý, vi phạm hành chính			-	536		-	499	-	93,10%	
1.1	Hàng cấm	"		-	19		-	130	-	684,21%	
1.2	Hàng nhập lậu			-	217		-	73	-	33,64%	
1.3	Gian lận thương mại	"		-	01		-	-	-	-	
1.4	Vi phạm về hàng giả, hàng kém chất lượng và quyề	"		-	20		-	09	-	45,00%	
1.5	Vi phạm về đầu cơ, găm hàng và sai phạm trong lĩn	"		-	37		-	133	-	359,46%	
1.6	Vi phạm trong kinh doanh	"		-	217		-	55	-	25,35%	
1.7	Vi phạm về vệ sinh an toàn thực phẩm	"		-	08		-	38	-	475,0%	
1.8	Vi phạm khác (nhãn hàng hóa)	"		-	17		-	61	-	358,82%	
2	<b>Số tiền thu phạt trong kỳ</b>	<b>Tr. đồng</b>		-	5.005,97	6.100	-	1.613,7	-	32,24%	26,5%
	Trong đó:			-			-		-	-	
2.1	Tiền phạt hành chính	Tr. đồng		-	914,90		-	559,25	-	61,13%	
2.2	Tiền bán hàng tịch thu	Tr. đồng		-	2.800,55		-	634,29	-	22,65%	
2.3	Trị giá hàng hóa chưa bán	Tr. đồng		-			-	418,17	-	-	
2.4	Trị giá hàng tiêu hủy	Tr. đồng		-	1.290,52		-	2,04	-	0,16%	

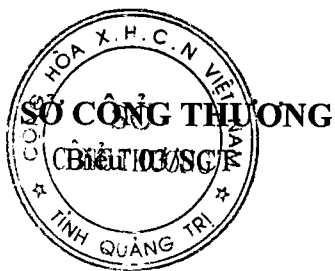


**CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP**  
**Tháng 9 và 9 tháng năm 2014**

Đơn vị: %

Tên ngành	Chính thức tháng 8/2014		Dự ước tháng 9/2014			Chỉ số cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 9/2014 so với tháng 9/2013
	So với cùng kỳ năm gốc 2010	So với tháng cùng kỳ năm trước (2013)	So với cùng kỳ năm gốc 2010	So với tháng trước	So với tháng cùng kỳ năm trước (2013)	
A	1	2	3	4	5	6
<b>Toàn ngành</b>	<b>143,85</b>	<b>98,92</b>	<b>154,77</b>	<b>108,33</b>	<b>129,87</b>	<b>107,95</b>
1. Công nghiệp khai khoáng	45,52	102,97	51,97	113,52	131,54	102,77
2. Công nghiệp chế biến, chế tạo	168,14	97,54	180,54	106,96	131,94	106,73
3. Sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	42,47	101,72	48,98	116,67	118,46	119,10
4. Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	136,63	113,18	137,37	100,54	114,31	112,21





**CHỈ SỐ TIÊU THỤ NGÀNH CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN, CHẾ TẠO**  
Tháng 8/2014

*Đơn vị: %*

Tên ngành	Mã số	So với cùng kỳ năm gốc 2010	Tháng 8/2014 so với tháng 7/2014	Tháng 8/2014 so với tháng 8/2013	Chỉ số cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 8/2014 so với cuối tháng 8/2013
A	B	1	2	3	4
<b>Toàn ngành</b>		<b>170,41</b>	<b>87,67</b>	<b>109,96</b>	<b>99,41</b>
<b>C. Công nghiệp chế biến, chế tạo</b>		<b>170,41</b>	<b>87,67</b>	<b>109,96</b>	<b>99,41</b>
1. Tinh bột sắn		160,82	58,58	48,10	97,82
2. Đồ uống không cồn, nước khoáng		203,43	75,27	112,46	113,84
3. May mặc, may trang phục		4,39	212,53	255,23	199,14
4. Gỗ cửa, gỗ xẻ		79,04	97,60	130,83	106,29
5. Ván ép (gỗ MDF)		113,45	94,55	104,26	101,67
6. Dầu nhựa thông		964,00	100,28	142,15	90,32
7. Colophan, axit nhựa cây		894,00	96,00	95,00	119,71
8. Phân bón NPK		148,39	98,17	180,20	99,77
9. Săm xe, lốp xe các loại		140,26	107,47	99,68	110,90
10. Gạch xây		94,35	82,34	112,97	110,49
11. Xi măng Portland đen		-	-	-	-
12. Tấm lợp Phibro xi măng		19.314,91	107,00	267,32	302,77
13. Tấm lợp bằng kim loại		303,08	109,44	94,26	82,24



**CHỈ SỐ TÒN KHO NGÀNH CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN, CHẾ TẠO**  
**Tháng 8/2014**

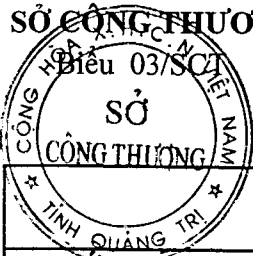
*Đơn vị tính: %*

Tên ngành	Mã số	So với cùng kỳ năm gốc 2010	Tháng 8/2014 so với tháng 7/2014	Tháng 8/2014 so với tháng 8/2013
A	B	1	2	3
<b>Toàn ngành</b>		<b>149,64</b>	<b>100,46</b>	<b>73,94</b>
<b>C. Công nghiệp chế biến, chế tạo</b>		<b>149,64</b>	<b>100,46</b>	<b>73,94</b>
1. Tinh bột sắn		86,92	91,79	74,24
2. Đồ uống không cồn, nước khoáng		92,46	156,07	143,82
3. May mặc, may trang phục		2.868,68	204,80	220,73
4. Gỗ cửa, gỗ xẻ		642,59	108,58	111,2
5. Ván ép (gỗ MDF)		73,51	96,24	71,00
6. Dầu nhựa thông		66,47	73,38	29,95
7. Colophan, axit nhựa cây		59,17	113,04	34,49
8. Phân bón NPK		1.756,40	122,13	178,38
9. Săm xe, lốp xe các loại		24,56	70,74	78,28
11. Gạch xây		13,60	102,21	42,01
12. Xi măng Portland đen		0,25	100,00	1,62
13. Tấm lợp Phibro xi măng		270,17	121,28	161,97

SỞ CÔNG THƯƠNG

CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG (CPI)

Tháng 9 và 9 tháng năm 2014



Nhóm hàng	Mã số	Kỳ gốc	Tháng trước	Tháng cùng kỳ năm trước	Tháng 12 năm trước
<b>Chỉ số giá tiêu dùng</b>	<b>C</b>	<b>168,17</b>	<b>100,15</b>	<b>104,51</b>	<b>102,47</b>
I. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	1	167,79	100,3	107,76	103,45
II. Đồ uống, thuốc lá	2	139,61	99,94	101,77	101,98
III. May mặc, mũ nón, giày dép	3	175,64	101,0	106,44	104,81
IV. Nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng	4	184,34	100,08	103,45	102,17
V. Thiết bị đồ dùng gia đình	5	155,15	100,13	103,16	102,01
VI. Thuốc và dịch vụ y tế	6	222,86	100,02	100,44	100,31
VII. Giao thông	7	161,44	98,14	100,33	101,17
VIII. Hàng bưu chính viễn thông	8	87,22	100,0	99,51	99,51
IX. Giáo dục	9	181,4	101,44	104,84	101,84
X. Văn hóa, giải trí và du lịch	10	127,75	100,0	100,45	100,45